TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐẤT** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26-2-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quế Phượng

2. Bà Nguyễn Thị Di

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Văn Long, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 2 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 351/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 13/2025/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Kim H, sinh năm 1991
Địa chỉ: Số C đường V, khu phố L, thị trấn L, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số B, tổ A, ấp A, xã A, huyện L (nay là xã T, huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Bà Lưu Thị Kim H và ông Nguyễn Hữu H1 chung sống và kết hôn từ năm 2011, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã A, huyện L (nay là xã T, huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 16/12/2021.

Theo bà H thì từ lúc cưới nhau đến nay, ông H1 không lo làm ăn mà chỉ lo tụ tập bạn bè ăn chơi. Không lo cho gia đình vợ con. Một mình bà phải đi làm

lo cho cả gia đình. Đã rất nhiều lần bà H khuyên nhủ nhưng ông H1 vẫn không nghe, càng ngày ông H1 càng tệ hơn, thường xuyên nhậu nhẹt, hành hạ đánh đập vợ con. Vì không thể chịu đựng nổi nên bà H đã bỏ về nhà mẹ ruột sống từ năm 2021 cho đến nay.

Nay bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H1 nữa nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1 để bà và con ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà H và ông H1 có 01 con chung là Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 11/6/2012. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà H tự nguyện không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H1 vẫn không đến Tòa án làm việc mà không có lý do, vì thế Tòa án không thể tổ chức hòa giải để thuyết phục động viên các bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm để trở về đoàn tụ với nhau. Theo biên bản xác minh tại địa phương thì ông H1 có đăng ký thường trú tại địa chỉ số B, tổ A, ấp A, xã A, huyện L (nay là xã T, huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tuy nhiên hiện nay ông H1 không còn sống tại địa phương chỉ thỉnh thoảng có ghé về thăm nhà, đi đâu làm gì địa phương không nắm rõ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 11/6/2012 đang sống cùng bà H và nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ nên cần tiếp tục giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) Bà H tự nguyện không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc bà H phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn có đăng ký thường trú tại huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Đất theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

1.2. *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng trong vụ án*: Bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 đã được Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Theo biên bản xác minh tại địa phương thì ông H1 có đăng ký thường trú tại địa chỉ số B, tổ A, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tuy nhiên hiện nay ông H1 không còn sống tại địa phương chỉ thỉnh thoảng có ghé về thăm nhà, đi đâu làm gì địa phương không nắm rõ. Như vậy địa phương cũng không xác định được ông H1 không còn sinh sống tại địa phương từ thời điểm nào và hiện đang ở đâu. Do vậy, đây là trường hợp ông H1 cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 5-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà Lưu Thị Kim H và ông Nguyễn Hữu H1 tiến tới hôn nhân từ năm 2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Bà H và ông H1 đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện L (nay là xã T, huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 16/12/2021. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình hoà giải tại Toà, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H1 nữa. Cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, ông H1 không cố gắng đi làm để lo cho gia đình mà thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Xét thấy bà H và ông H1 đã tự ý ly thân từ năm 2021 cho đến nay, nhưng cả ông H1 và bà H đều không tìm cách tháo gỡ những mâu thuẫn, không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình mà bỏ

mặc dẫn đến hạnh phúc gia đình tan vỡ. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng bà H, ông H1 đoàn tụ nhưng bà H không đồng ý. Điều này chứng tỏ bà H không mong muốn tiếp tục chung sống với ông H1 nữa và cương quyết được ly hôn với ông H1. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà H, ông H1 đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà H với ông H1.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống, bà H và ông H1 có 01 chung là Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 11/6/2012. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét hiện nay cháu M đang sống cùng bà H và cháu M có nguyện vọng được ở cùng bà H, nên tiếp tục giao con chung cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà H tự nguyện không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Kim H. Bà Lưu Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H1.

2.Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 11/6/2012 cho bà Lưu Thị Kim H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Lưu Thị Kim H tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Hữu H1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hữu H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Lưu Thị Kim H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003837 ngày 13/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền (nay là huyện L). Như vậy bà H đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Long Đất;
- Chi cục THADS H. Long Đất;
- NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Thị Hiền